

Bản án số: 34/2025/KDTM-ST

Ngày: 21-3-2025

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim Yến

2. Bà Phạm Thị Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2024 về: “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: 89 L, Phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, số 96 C, Phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Lê Đình Thanh T hoặc ông Lê Gia Đ ; Địa chỉ: Tầng 1, số 96 C, Phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền số 10431/2024/UQN-KHDN MN04 ngày 19/9/2024 (ông T có mặt, ông Đ có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H; Trụ sở: 105/3 N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh,

Do ông Nguyễn Thế Phúc L1, sinh năm 1979, nơi cư trú: 105/3 N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (bị đơn vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Thế Phúc L1, sinh năm 1979

2/ Bà Lê Ngọc H1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: 105/3 N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông L1 và bà H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H (sau đây viết tắt là bị đơn/Công ty H) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số QN2/23046 ngày 08/04/2023, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác. Cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số: 111023-5168770-ONL-27 ngày 11/10/2023: Số tiền cho vay là 290.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng từ ngày 11/10/2023 đến ngày 11/04/2024. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 15.8%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

- Khế ước nhận nợ số: 241023-5168770-ONL-28 ngày 24/10/2023: Số tiền cho vay là 160.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng từ ngày 24/10/2023 đến ngày 24/04/2024. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 15.6%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

- Khế ước nhận nợ số: 261023-5168770-ONL-29 ngày 26/10/2023: Số tiền cho vay là 186.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng từ ngày 26/10/2023 đến ngày 26/04/2024. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 15.6%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

- Khế ước nhận nợ số: 191123-5168770-ONL-30 ngày 20/11/2023: Số tiền cho vay là 130.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 20/05/2024. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16.4%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

- Khế ước nhận nợ số: 201123-5168770-ONL-31 ngày 20/11/2023: Số tiền cho vay là 240.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng từ ngày 20/11/2023 đến ngày 20/05/2024. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16.4%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

- Khế ước nhận nợ số: 241123-5168770-ONL-32 ngày 24/11/2023: Số tiền cho vay là 492.566.580 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng từ ngày 24/11/2023 đến ngày 24/05/2024. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16.4%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Ngoài ra, công ty H còn ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2019. Hạn mức là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn: 32% và lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Khoản vay trên được bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số: QN2/23046/HDBL ký ngày 08/4/2023, Hợp đồng bảo lãnh số NTO/19140 ký ngày 04/12/2019 ký giữa ông Nguyễn Thế Phúc L1, Công ty H và V; Hợp đồng bảo lãnh số: NTO/19141 ký ngày 04/12/2019 ký giữa bà Lê Ngọc H2, Công ty H và V. Khoản tín dụng cấp cho Công ty H không thực hiện biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số QN2/23046 ngày 08/04/2023, Công ty H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo điểm b khoản 6 Điều 1 của tất cả các Khế ước nhận nợ trên là phải trả tiền lãi cho V theo định kỳ vào ngày 20 hằng tháng nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Cụ thể, Công ty H đã vi phạm kỳ trả lãi ngày 20/03/2024. Do đó, khoản vay đối với Hợp đồng hạn mức của Công ty đã chuyển quá hạn, chịu lãi suất quá hạn từ ngày 20/03/2024.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2019, Công ty H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, toàn bộ khoản vay nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn, cụ thể Công ty H đã vi phạm về việc trả dư nợ gốc không đầy đủ.

V đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu Công ty H thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng Công ty H, ông Nguyễn Thế Phúc L1 đã cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tạm tính đến hết ngày 15/01/2025, Công ty H còn nợ V các khoản sau: nợ gốc khoản vay: 1.498.565.912 đồng; nợ lãi trong hạn: 17.703.035 đồng; nợ lãi quá hạn: 219.708.246 đồng; nợ lãi chậm trả: 1.465.662 đồng; nợ gốc thẻ: 29.997.034 đồng; nợ lãi thẻ: 10.592.579 đồng. Tổng cộng: 1.788.625.046 đồng (một tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi sáu). V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/ Buộc Công ty H phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 15/01/2025 là: 1.788.625.046 (một tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi sáu) đồng. Bao gồm: Nợ gốc khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức: 1.498.565.912 đồng; nợ lãi trong hạn: 17.703.035 đồng; nợ lãi quá hạn: 219.708.246 đồng; nợ lãi chậm trả: 1.465.662 đồng; nợ gốc thẻ: 29.997.034 đồng; nợ lãi thẻ: 10.592.579 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 16/01/2025, Công ty H vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

2/ Trường hợp Công ty H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên, ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký nêu trên.

Bị đơn – Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế Phúc L1, bà Lê Ngọc H1 vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập và không có bất cứ ý kiến trình bày hay ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Đình Thanh T trình bày: Tính đến ngày 21/3/2025, Công ty H còn nợ V tổng số tiền 1.839.819.357 đồng. Trong đó, nợ gốc khoản vay: 1.498.565.912 đồng, nợ lãi trong hạn: 17.703.035 đồng, nợ lãi quá hạn: 280.473.703 đồng, nợ lãi chậm trả: 1.780.992 đồng; nợ gốc thẻ: 29.997.034 đồng, nợ lãi thẻ: 11.298.751 đồng. V yêu cầu Công ty H phải trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2025 theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp Công ty H không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của đương sự nhận thấy V có cho Công ty H vay theo Hợp đồng cho vay số QN2/23046 ngày 08/04/2023, các khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các khế ước nhận nợ và hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Xét thấy hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thỏa thuận lãi suất phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu buộc Công ty H phải trả cho V tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/3/2025 là 1.839.819.357 đồng.

Các khoản vay trên được bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 theo các hợp đồng bảo lãnh số QN2/23046/HDBL, NTO/19141, NTO/19140 ký giữa ông Nguyễn Thế Phúc L1, bà Lê Ngọc H1 và V. Xét thấy các hợp đồng bảo lãnh có nội dung và hình thức phù hợp Điều 339, 342 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật nên trong trường hợp Trường hợp Công ty H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký nêu trên.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên. Công ty H có trụ sở tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình

theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/3/2025 là: 1.839.819.357 đồng:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số QN2/23046 ngày 08/04/2023, các khế ước nhận nợ số: 111023-5168770-ONL-27 ngày 11/10/2023, 241023-5168770-ONL-28 ngày 24/10/2023, 261023-5168770-ONL-29 ngày 26/10/2023, 191123-5168770-ONL-30 ngày 20/11/2023, 201123-5168770-ONL-31 ngày 20/11/2023, 241123-5168770-ONL-32 ngày 24/11/2023, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2019, trình bày của người đại diện nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thì Công ty H có ký hợp đồng tín dụng vay của V với hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác. Lãi suất cho vay và thời hạn vay quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các khế ước nhận nợ. Công ty H chỉ trả cho V nợ gốc 668 đồng, nợ lãi 70.161.161 đồng. Tính đến ngày 21/3/2025, Công ty H còn nợ V số tiền 1.839.819.357 đồng. Trong đó, nợ gốc khoản vay hợp đồng cho vay số QN2/23046: 1.498.565.912 đồng, nợ lãi trong hạn: 17.703.035 đồng, nợ lãi quá hạn: 280.473.703 đồng, nợ lãi chậm trả: 1.780.992 đồng; nợ gốc thẻ: 29.997.034 đồng, nợ lãi thẻ: 11.298.751 đồng. Xét thấy, việc Công ty H vay tiền của V nhưng không thanh toán đúng hạn số tiền nợ gốc và lãi là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của V. Số tiền nợ lãi đã được V tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, V yêu cầu Công ty H phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 1.839.819.357 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2025 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Tại Hợp đồng bảo lãnh số NTO/19140 ký ngày 04/12/2019, hợp đồng bảo lãnh số QN2/23046/HDBL ký ngày 08/4/2023 ký giữa ông Nguyễn Thế Phúc L1 (bên bảo lãnh), Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H (bên được bảo lãnh) và V (bên nhận bảo lãnh); Hợp đồng bảo lãnh số: NTO/19141 ký ngày 04/12/2019 ký giữa bà Lê Ngọc H1, Công ty H và V: Ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 (bên bảo lãnh), đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H đối với V (bên nhận bảo lãnh) trong hợp đồng cho vay hạn mức số QN2/23046 ngày 08/04/2023, các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký hợp đồng này, bao gồm tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn kiện liên quan của các văn kiện tín dụng. Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên

được bảo lãnh đối với V. Các hợp đồng bảo lãnh có nội dung và hình thức phù hợp quy định tại Điều 335, 339, 342 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực. Do đó, việc V yêu cầu nêu đến hạn mà Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh là ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty H là có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 67.194.581 (sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm tám mươi một) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.345.504 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001094 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 91, 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào 335, 339, 342 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V:

1.1 Buộc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 1.839.819.357 (một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm năm mươi bảy) đồng. Trong đó, nợ gốc khoản vay hợp đồng cho vay số QN2/23046: 1.498.565.912 đồng, nợ lãi trong hạn: 17.703.035 đồng, nợ lãi quá hạn: 280.473.703 đồng, nợ lãi chậm trả: 1.780.992 đồng; nợ gốc thẻ: 29.997.034 đồng, nợ lãi thẻ: 11.298.751 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 22/3/2025, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định theo hợp đồng cho vay số QN2/23046 ngày 08/04/2023, các khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 04/12/2019, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ nêu trên thì ông Nguyễn

Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh số QN2/23046/HDBL ký ngày 08/4/2023, Hợp đồng bảo lãnh số NTO/19140 ký ngày 04/12/2019, Hợp đồng bảo lãnh số: NTO/19141 ký ngày 04/12/2019.

2/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 67.194.581 (sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm tám mươi một) đồng do Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.345.504 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001094 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải H, ông Nguyễn Thế Phúc L1 và bà Lê Ngọc H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy